

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều*

*của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.*

## **Chương I**

### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 38/2019/NQ-HĐND NGÀY 11 THÁNG 12 NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU THÔNG QUA ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN MỘT SỐ CÂY DƯỢC LIỆU GIAI ĐOẠN 2020-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

**Điều 1. Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại điểm a khoản 1 Điều 1.**

**Điều 2. Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 1:**

“b) Bảo tồn, xây dựng mô hình, hoàn thiện quy trình sản xuất, nhân giống các loại cây dược liệu: Sâm Lai Châu, Bầy lá một hoa, Lan Kim tuyến:

- Xây dựng các vườn giống gốc để bảo tồn các loại cây dược liệu: Sâm Lai Châu, Bầy lá một hoa, Lan kim tuyến; đồng thời di thực trồng thí điểm tại các khu vực có điều kiện tương đồng, cụ thể:

+ Sâm Lai Châu: Bảo tồn trên 1.700 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã: Pa Ủ, Thu Lũm, Bum Nura.

+ Bầy lá một hoa: Bảo tồn trên 1.150 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã Sìn Hồ, Tủa Sín Chải.

+ Lan Kim tuyến: Bảo tồn trên 1.300 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại xã Pắc Ta.

- Xây dựng 03 mô hình trình diễn, hoàn thiện quy trình trồng các cây dược liệu: Sâm Lai Châu (01 mô hình), Bầy lá một hoa (01 mô hình), Lan Kim tuyến (01 mô hình).”

## **Chương II**

### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 72/ND-HĐND NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ BAN HÀNH QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NỘI DUNG HỖ TRỢ, MẪU HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Điều 3. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai điểm c, điểm d, đ khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết**

“c) Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ

- Cấp tỉnh: Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn hai xã, phường trở lên và các

dự án, kế hoạch sử dụng vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh.

- Cấp xã: Các phòng, ban, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn.”

“d) Bước 4: Thẩm định

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết và dự án phát triển được liệu quý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Thời gian thẩm định: Không quá 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (*Tính cả trường hợp phải đi thực tế để khảo sát đánh giá địa bàn triển khai dự án/kế hoạch*). Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.“

“đ) Bước 5: Phê duyệt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn từ hai xã trở lên và dự án, kế hoạch liên kết được hỗ trợ từ vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện hoạt động hỗ trợ và dự án phát triển được liệu quý. Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (*ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)*); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (*nếu có*); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (*nếu có*); phương án tài chính xử lý các rủi ro (*nếu có*); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (*nếu có*).

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan thẩm định, Chủ tịch ủy ban nhân cấp tỉnh/xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt theo quy

định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

#### **Điều 4. Sửa đổi điểm c, d khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết**

##### **“c) Bước 3: Thẩm định**

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo và các công chức thuộc các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các tiêu chí lựa chọn, sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).”

##### **“d) Bước 4: Phê duyệt**

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (*ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)*); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiền độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (*nếu có*); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (*nếu có*); hình thức, mức quay vòng (*nếu có*); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (*nếu có*); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (*nếu có*).

- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

#### **Điều 5. Sửa đổi một số Mẫu hồ sơ tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết**

- Tại Mẫu số 01 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị), sửa đổi phần ghi chú tại cuối trang của như sau: “*1 Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường (phòng chuyên môn được ủy quyền, được cấp có thẩm quyền giao)*”

- Tại mục 1. Thành phần tham dự của Mẫu số 04 (Biên bản họp thôn, bản): bỏ “Đại diện UBND huyện (nếu có)”

- Tại Mẫu số 05 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án/phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng) sửa đổi như sau:

+ Phần Kính gửi: “Kính gửi: UBND xã, phường.....”;

+ Căn cứ cuối cùng tại đơn đề nghị sửa như sau: “Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các Chương trình mục tiêu quốc, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã/phường ..... xem xét thẩm định, phê duyệt Dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau: ”

- Tại Mẫu DL.01 (Đơn đề nghị về việc đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án được liệu quý) đề nghị bỏ “UBND huyện (quận): ....” tại phần Kính gửi.

### CHƯƠNG III

#### **SỬA ĐỔI ĐIỀU 1 CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 29/2024/NQ-HĐND NGÀY 17 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU 5 CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 13/2022/NQ-HĐND NGÀY 28 THÁNG 6 NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ MỨC ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Điều 6.** Sửa đổi Điều 1 như sau: thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng cấp huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện.” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí đủ vốn đối ứng cấp xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các xã, phường thực hiện.”.

### CHƯƠNG IV

#### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÂN ĐỊNH CÁC NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

##### **Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 1**

1. Sửa đổi khoản 1 như sau: bỏ cụm từ “ngân sách cấp huyện”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau: bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” và thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” và bỏ cụm từ “công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã”.

##### **Điều 8. Sửa đổi khoản 2 Điều 2**

Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”.

### **Điều 9. Bãi bỏ Điều 3.**

### **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 4:**

#### **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:**

“1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh;

c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm quản lý;

d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề.”

#### **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2:**

“2. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất khác do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã.”

#### **3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3:**

“a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;”.

#### **4. Bổ sung điểm e, g vào sau điểm đ khoản 7:**

“e) Cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.”

## **CHƯƠNG V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội;
- Chính phủ, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXPVPHC-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**